

Bản án số : 132/2017/HSST
Ngày: 25-7-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông : Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông : Lò Thanh Dung
2. Ông : Lò Văn Quốc.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà : Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông : Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 135/2017/HSST ngày 13/7/2017 đối với bị cáo:

1. Quàng Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản L, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 6/12; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Con ông: Quàng Văn H (đã chết); Con bà: Quàng Thị Y 54 tuổi; Bị cáo có vợ : Lường Thị H tuổi và 1con 1 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/4/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Lường Văn B; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1987 tại xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Con ông: Lường Văn T 52 tuổi; Con bà: Lường Thị P 50 tuổi; Bị cáo có vợ : Cà Thị T 22 tuổi (đã ly hôn); Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 26/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Ngày 12/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/4/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại :**

1. Bà : Bùi Thị S; Sinh năm : 1953; Nơi cư trú: TK 9, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

2. Chi : **Quàng Thị C**; Sinh năm : 1984; Nơi cư trú: Bản L, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 9/4/2017 Quàng Văn T đang ở nhà một mình thì T lên cơn nghiện ma túy nhưng do không có tiền để đi mua ma túy sử dụng nên T đã nảy sinh ý định đi tìm trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy. Sau đó T lấy một con dao nhọn bằng kim loại, phần lưỡi dao dài 28cm trong nhà để vào giá đỡ hàng trên xe mô tô mang BKS: 26M1 - 093.13 rồi một mình điều khiển xe đi lên thị trấn TC để tìm trộm cắp tài sản. Khi T đi đến tiểu khu 9, thị trấn TC thì T phát hiện nhà ở của gia đình bà Bùi Thị S đang khóa cổng, không có người ở trong nhà, thấy vậy T dừng xe cách cổng nhà bà S khoảng 20m và quan sát thấy không có người nên T đã xuống xe mở cốp xe lấy một chiếc kim bằng kim loại có sẵn trong cốp xe và con dao nhọn mà T mang theo để phá khóa cổng. Sau đó T dùng kim cắt khóa cổng nhưng không được nên dùng dao đập và phá được khóa cổng. Sau khi mở được cổng T cầm dao theo đi vào gần cửa chính của nhà bà S dùng dao cạy cửa để vào trong nhà nhưng không mở được nên T đã đi vòng ra phía sau nhà thì phát hiện cửa sau không khóa chỉ khép hờ nên T mở cửa đi vào buồng ngủ của bà S ở tầng 1 thì thấy một chiếc tủ nhỏ ở góc nhà và dùng dao cạy cánh cửa tủ để tìm tài sản nhưng không có tài sản gì. T tiếp tục ra hướng tủ đứng hai cánh ở bên cạnh, mở cánh cửa ra để tìm tài sản nhưng không phát hiện gì. Quan sát thấy trong tủ có một ngăn khóa nên T dùng dao cạy khóa và phát hiện một hòm tôn nhỏ đang khóa, T dùng dao cạy khóa của hòm tôn thì phát hiện trong hòm có 01 dây chuyền và một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng nên T đã lấy bỏ vào trong túi áo rồi tiếp tục cạy khóa chiếc hòm tôn ở cạnh tủ nhưng không phát hiện tài sản gì. T tiếp tục lục tìm các túi quần áo treo ở trong tủ thì phát hiện và lấy được số tiền 300.000^d. Đồng thời quan sát thấy trên bàn ở trong phòng có 01 chiếc điện thoại di động NOKIA loại 230 nên T cầm lấy bỏ vào túi áo. Sau khi đã lục lọi tìm tài sản ở tầng 1 xong, T tiếp tục đi lên phòng ngủ ở tầng 2 (phòng ngủ của anh Nguyễn Đức T là con trai bà S) thì phát hiện trên bàn có 01 chiếc điện thoại di động NOKIA loại 1102 và 01 chiếc ví da. T mở ví ra và lấy được 01 tờ tiền mệnh giá 500.000^d, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000^d cùng một số ngoại tệ bao gồm: 39 Dollar Mỹ và 50 Euro. Sau đó T quan sát trong phòng thấy có 01 chiếc két sắt nên sau khi lấy hết số tiền trong ví cho vào túi quần thì T để chiếc ví cạnh chiếc điện thoại và cầm con dao nhọn mang theo ra phía két sắt ở trong phòng để cạy phá khóa. Khi T đang dùng dao cạy khóa két sắt thì phát hiện bà Son đi về nhà nên Thương cầm dao chạy ra bàn cầm ví và chiếc điện thoại rồi chạy xuống cầu thang thì gặp bà S đang đi lên cầu thang và dang hai tay để chặn Tg lại thì T đã chạy xuống cầu thang khi tay đang cầm dao đã vô tình chạm vào ngón tai trái của bà Son khiến bà S bị thương tích nhẹ và chảy máu ở ngón tay. Do bị thương nên bà S lùi lại tựa vào tường, thấy vậy T bỏ chạy vút lại

con dao và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại 1102 ở chân cầu thang và cầm theo chiếc ví chạy ra phía cửa sau thì phát hiện 01 con dao tông nên T cầm theo và chạy ra cổng nhà bà S. T mở cổng vớt lại dao và ném chiếc ví qua cổng ra ngoài đường, rồi chạy đến chỗ để xe và điều khiển xe bỏ chạy về nhà (T không quay lại nhặt dao tông và ví). Sau đó bà S đã hô hoán quần chúng nhân dân truy đuổi nhưng không bắt lại được. Khi T về đến nhà do biết đang bị truy đuổi nên T đã bỏ lại xe mô tô tại cổng nhà và chạy lên núi phía sau nhà để trốn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Thương đi bộ đến nhà của Lường Văn T, sinh năm: 1987, trú tại: bản T, xã TL, huyện TC, khi gặp Thúc thì T đã kể lại việc vừa trộm cắp tài sản tại nhà bà S cho T nghe sau đó đưa cho T 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng đã trộm cắp được bảo T đi bán để lấy tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng, T đồng ý. Sau đó T đã đem mang chiếc nhẫn đi bán tại cửa hàng vàng bạc Hoàng H, thuộc Tiểu khu 6, xã TL, huyện TC được số tiền : 3.310.000^d. Sau khi bán được chiếc nhẫn trên thì T đã đi lên xã TM mua được 1 gói Heroin và 10 viên hồng phiến với giá: 1.300.000^d của một người phụ nữ tên là Đ ở bản T, xã TM, huyện TC rồi đi về nhà. Khi về đến nhà thì T đã đưa số tiền thừa còn lại và số ma túy vừa mua được đưa cho B, B cầm số ma túy T đưa và trích ra một ít Heroin và hồng phiến cùng T sử dụng, sau khi sử dụng xong số ma túy còn lại T gói lại. Cùng lúc đó B bị Cơ quan Công an gọi đến trạm Công an Tông Lạnh để hỏi về T nhưng B không khai việc T đang có mặt ở nhà B. Sau khi về nhà, T bảo B đi trốn vì cơ quan Công an đã phát hiện việc T trộm cắp tài sản. Sau đó T đã rủ B ra hang núi phía sau nhà T để cùng nhau sử dụng hết số ma túy mà T đã gói lại. Sau đó T đã đưa cho B số tiền: 1.000.000^d cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 26M1 - 093.13 mang tên Quảng Văn T và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lường Thị H bảo B đem về đưa cho vợ T, rồi T lấy toàn bộ số tiền ngoại tệ đã trộm cắp được đưa cho B nhờ T cất giấu hộ. Còn chiếc dây chuyền bằng kim loại màu vàng mà T đã trộm cắp được, T đưa cho B và bảo B mang đi bán lấy tiền đưa cho vợ T, B đồng ý. Sau đó T ở lại hang núi còn B mang tiền và giấy tờ T đưa về giao cho Lường Thị H vợ của Thương, sau đó B đi về nhà cất giấu chiếc dây chuyền vào cán của một chiếc bơm xe đạp cũ và bỏ toàn bộ số tiền ngoại tệ vào một phong bì sau đó nhét vào lỗ của một viên gạch giấu trong nhà của B. T ở lại hang núi đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày thì gọi điện thoại nhờ B đưa lên huyện TG, tỉnh Điện Biên để trốn, sau đó B đã lấy xe máy mang BKS: 26AA- 065.21 đưa Quảng Văn T lên huyện TG, tỉnh Điện Biên, rồi Thúc đi xe về nhà, còn Tg bắt xe đi huyện MT, tỉnh Lai Châu trốn.

Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã tổ chức khám nghiệm hiện trường là nhà ở của bà Bùi Thị S, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã phát hiện khóa cổng nhà bà S, phòng ngủ tại tầng 1 và chiếc két sắt ở phòng ngủ trên tầng 2 nhà bà S có vết đập phá, lục soát, cạy bẫy phù hợp với lời khai của Quảng Văn T. Quá trình khám nghiệm đã thu giữ: Một con dao nhọn bằng kim loại, phần lưỡi dao dài 28cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 4,3cm, đường kính cán dao là 03cm; Một điện thoại di động Nokia, loại máy 1202; Một khóa dây màu xanh lá cây hãng VIET TIEP; Một chiếc kim công nghiệp ký hiệu MEINFA đã qua sử dụng.

Đến ngày 10/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nhà ở đồ vật, tài sản của Lường Văn B quá trình khám xét đã thu giữ : Một dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 19 tờ tiền mệnh giá 2 Dollar Mỹ, một tờ tiền mệnh giá 1 Dollar Mỹ, một tờ tiền có mệnh giá 50 Euro, một chiếc bơm xe màu đỏ đã qua sử dụng và một viên gạch màu đỏ loại gạch 2 lỗ đã bị vỡ một nửa, có kích thước dài 21cm, rộng 7,5cm, dày 5,0cm. Lường Văn B khai nhận toàn bộ số tài sản mà cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình khám xét tại nhà B là của Quảng Văn T mang đến nhờ B cất giấu.

Đến ngày 13/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Quảng Văn T và Lường Văn B để xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình bắt giữ đã thu giữ của Quảng Văn T số tiền: 820.000^d, thu giữ của Lường Văn B một xe mô tô BKS: 26AA- 065.21 nhãn hiệu CUP. Ngày 10/4/2017 cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ của Lường Thị H số tiền 1.000.000^d, một xe máy BKS: 26M1- 093.13 và 01 giấy đăng ký xe máy số 007555 mang tên Quảng Văn T.

Ngày 13/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra quyết định trưng cầu giám định số 126 ngày 13/4/2017 đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định tiền và ngoại tệ đã thu giữ. Tại kết luận giám định số 293/KLGD ngày 20/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 1. 820.000^d, 01 tờ tiền mệnh giá 1 Dollar Mỹ, 01 tờ tiền có mệnh giá 50 Euro và 19 tờ tiền mệnh giá 2 Dollar Mỹ có số mã hiệu ghi trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập ngày 19/4/2017 là tiền thật.

Ngày 11/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã làm việc với Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thuận Châu xác định tỷ giá ngoại tệ quy đổi ra tiền Việt Nam đồng đối với đồng Dollar Mỹ và đồng EURO là: 1 Dollar Mỹ = 22.685 VNĐ; 1 EURO = 24.080 VNĐ (*tỷ giá ngoại tệ ngày 11/4/2017*). Qua đó xác định giá trị số tiền ngoại tệ Quảng Văn T lấy trộm của gia đình bà Bùi Thị S có tổng giá trị là: 2.088.715^d.

Ngày 13/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra quyết định trưng cầu giám định số 127 ngày 13/4/2017 đề nghị Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát giám định hóa pháp đối với 01 dây chuyền và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng. Tại kết luận giám định số: 1873/C54(P4) ngày 5/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác các dạng móc xích, trên móc khóa có khắc chữ số “DT 999” gửi giám định có tổng khối lượng 14,99 gam đều là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình: 99,01%

+ 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng tròn trơn, bên trong có khắc chữ số “KTO 999 1C” gửi giám định có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,62%.

Ngày 11/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số: 169/QĐ- TCDG ngày 11/4/2017 gửi Hội đồng

định giá tài sản huyện Thuận Châu đề nghị định giá giá trị của 06 chỉ vàng loại vàng 999. Tại Kết luận định giá tài sản số: 194/KL- HĐ ĐGTS ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu kết luận: 06 chỉ vàng loại vàng 999 có giá trị là: 20.520.000^d.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc ví mà Quảng Văn T đã chiếm đoạt của gia đình bà Bùi Thị S, do đã qua sử dụng cũ và xét thấy không còn giá trị nên bị hại Bùi Thị S có yêu cầu đề nghị không tiến hành định giá tài sản đối với 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc ví.

Quá trình điều tra đã xác định được các tài sản mà Quảng Văn T đã chiếm đoạt của gia đình bà Bùi Thị S bao gồm:

- + Một dây chuyền và 01 chiếc nhẫn bằng vàng, có trọng lượng 06 chỉ vàng loại vàng 999 có giá trị là: 20.520.000^d.

- + 39 Dollar Mỹ và 50 Euro có tổng giá trị là: 2.088.715^d.

- + Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 820.000^d.

Như vậy số tài sản mà Quảng Văn T đã chiếm đoạt của gia đình bà Bùi Thị S có tổng giá trị là: 23.428.715^d.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu Quảng Văn T, Lường Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Ngoài ra Quảng Văn B còn khai nhận vào ngày 23/01/2017 T còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 23/01/2017, Quảng Văn T một mình đi bộ qua nhà chị Quảng Thị C, sinh năm: 1984, trú tại: Bản L, xã T, huyện TC, quan sát nhà chị C khóa cửa trước và không có ai ở nhà nên T đã nảy sinh ý định lén lút vào nhà chị C để tìm trộm cắp tài sản. Sau đó T đã đi bộ vòng ra phía sau nhà chị C dùng 01 chiếc cuốc để cạnh tường nhà chị C để cạy cửa, khoảng 10 phút sau thì T mở được cửa và đi vào trong phòng ngủ của nhà chị C, tại đây T quan sát thấy trong phòng có 01 chiếc túi sách màu đỏ có dây đeo bằng xích làm bằng kim loại treo ở trên tường cạnh giá sách và giường ngủ, T liền mở ra xem thì thấy trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000^d, T cầm lấy túi sách và tiếp tục tìm tài sản để trộm cắp thì T phát hiện phía cuối giường ngủ có một chiếc kết sắt nên T đi xuống bếp lấy một con dao lên cạy phá kết sắt, do dao mỏng T không cạy được kết nên T lại quay lại quay xuống bếp lấy một con dao khác kích thước to và dày hơn để tiếp tục cạy phá kết sắt. T dùng dao cạy kết sắt khoảng 20 phút nhưng không cạy được nên T đã đeo chiếc túi xách nói trên vào người rồi cầm theo con dao đã cạy phá kết đi ra khỏi nhà chị T theo hướng đã đột nhập vào. Sau đó T đi vào vườn cà phê phía sau nhà chị C rồi vứt con dao đã cầm theo, T tiếp tục đi vào vườn cà phê của gia đình ông Lường Văn C, trú tại bản L, xã TL, cách nhà chị C khoảng 100m thì dừng lại mở túi xách ra để lấy tiền. T kiểm đếm được số tiền 10.000.000^d. Sau khi lấy được tiền, T cất tiền vào túi áo ngực phía trong bên trái của chiếc áo khoác T đang mặc trên người rồi dùng tay đào đất chôn chiếc túi xách tại vườn cà phê nhà ông C và đi bộ về nhà.

Số tiền T có được do trộm cắp của gia đình chị C, T đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của Quảng Văn T thì đến ngày 18/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã tiến hành trích xuất Quảng Văn Tg, phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cho Quảng Văn T tiến hành thực nghiệm lại hiện trường vụ trộm cắp tài sản tại nhà ở của chị Quảng Thị C. Quá trình thực nghiệm bị can Quảng Văn T đã thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản của chị Quảng Thị Ch phù hợp với những dấu vết còn lại ở cửa sau nhà, ở chiếc két sắt và đặc điểm hiện trường cũng như lời khai của Quảng Văn T tại cơ quan điều tra.

Tại cáo trạng số: 97/KSĐT ngày 3/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Quảng Văn T về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Truy tố Lương Văn B về tội : Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm đ khoản 2 Điều 250 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về điểm, điều, khoản và các tội danh trên.

Căn cứ vào nhân thân, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản. Tuyên bố bị cáo Lương Văn B phạm tội: Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS: Đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn T mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/4/2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Quảng Văn T.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm b, q, p khoản 1 Điều 46 BLHS : Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn B mức án từ 24 đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/4/2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lương Văn B.

Về trách nhiệm dân sự : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS năm 2015 : Buộc bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường số tiền trộm cắp là 10.000.000^d cho chị Quảng Thị B.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLHS : Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật. Bị cáo Quảng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

Ý kiến của người bị hại bà Bùi Thị S : Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử xử lý bị cáo Quảng Văn T theo quy định của pháp luật. Về bồi thường dân sự không có yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Về nội dung vụ án : Ngày 9/4/2017 lợi dụng không có ai trông coi Quảng Văn T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị S bao gồm: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 820.000^d, một dây chuyền và một chiếc nhẫn bằng vàng, có trọng lượng 06 chỉ vàng, 39 Dollar Mỹ và 50 Euro Châu Âu có tổng giá trị là: 23.428.715^d.

Sau khi trộm cắp được tài sản thì Quảng Văn T đã lấy số tài sản trộm cắp được cho Lường Văn B để đem đi tiêu thụ và cất giấu. Lường Văn B không hứa hẹn trước và biết rõ tài sản do Quảng Văn T phạm tội mà có mà có nhưng B vẫn đem bán lấy tiền tiêu sài và chứa chấp số tài sản trên. Lường Văn B đã có 02 tiền án về các tội mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy đã tái phạm chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, có tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 250 BLHS.

Ngoài ra Quảng Văn T còn có hành vi lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản của chị Quảng Thị C số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 10.000.000^d.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay có lời khai thống nhất, hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, hoàn toàn phù hợp với những người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản, vi phạm khoản 1 Điều 138 BLHS. Bị cáo Lường Văn B phạm tội : Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội

mà có, vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 250 BLHS. Như quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên toà của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là có căn cứ đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 5 Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 250 BLHS quy định:

“ 1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

a/.

đ Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Quảng Văn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cho cá nhân, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại bà Bùi Thị S, còn tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Quảng Thị C bị cáo đã tiêu sài hết cho đến nay chưa bồi thường. Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn B không hứa hẹn trước biết rõ tài sản do trộm cắp mà có vẫn cố tình vi phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương.

Xét nhân thân các bị cáo :

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Bị cáo Quảng Văn T phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Quảng Văn T phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Lương Văn B đã tác động gia đình tích cực bồi thường thiệt hại cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Lương Văn B tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS.

Cần lên một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung nhất là công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo Quảng Văn T và Lương Văn B đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án vận dụng khoản 1, 3 Điều 228 BLTTHS.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138; khoản 5 Điều 250 BLHS. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp sống chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, các bị cáo không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với người phụ nữ tên là Đ ở bản T, xã TM, người mà B khai đã bán ma túy cho B một lượng ma túy trị giá 1.300.000^d vào ngày 9/4/2017. Quá trình điều tra đã xác định được tại địa chỉ này không có người phụ nữ nào tên là Đ có đặc điểm như lời khai của B. Do vậy không có đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Lương Thị H (vợ T) quá trình điều tra xác định H không biết số tiền mà B đưa cho là do phạm tội mà có nên không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Lương Thị H.

Đối với bà Đặng Thị L chủ cửa hàng vàng bạc Hoàng H đã mua 01 chiếc nhẫn mà Lương Văn B đi bán vào ngày 9/4/2017, nhưng bà L không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Đặng Thị L.

Đối với chiếc ví da T vớt lại trên đường bỏ chạy và chiếc điện thoại Nokia 1202 mà T chiếm đoạt ở phòng ngủ trên tầng 2 nhà bà Bùi Thị S và 01 chiếc túi sách màu đỏ có dây đeo bằng xích làm bằng kim loại mà T chiếm đoạt của Quảng Thị C. Cơ quan điều tra đã tiến hành tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi của Lương Văn B đi mua ma túy hộ Quảng Văn T, quá trình điều tra xác định được do chỉ có lời khai của T và B về việc đi mua ma túy, ngoài ra không có chứng cứ khác do vậy không có căn cứ để xử lý đối với Lương Văn B về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

*** Về bồi thường dân sự:**

Bị hại Bùi Thị S đã nhận lại số tài sản mà Quảng Văn T đã chiếm đoạt gồm : 01 khóa dây màu xanh lá cây hãng VIET-TIEP, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 điện thoại di động Nokia, loại máy 1202, 19 tờ tiền mệnh giá 2 Dollar Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 01 Dollar Mỹ, 01 tờ tiền có mệnh giá 50 Euro và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 820.000^d. Ngày 17/5/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị S là có căn cứ.

Đối với thương tích tại ngón tay của bà Bùi Thị S do T gây ra trong quá trình bỏ chạy, do chỉ bị thương tích nhẹ nên bà Son không đề nghị giám định tỷ lệ thương tích cũng như không có đề nghị bồi thường gì thêm.

Đối với bị hại Đặng Thị L đã được gia đình Lường Văn B bồi thường giá trị của một chiếc nhẫn mà Lường Văn B đã đem bán cho bà, bà L không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Số tiền bị cáo trộm cắp của chị C bị cáo T đã tiêu sài hết cho đến nay chưa bồi thường do vậy cần buộc bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường giá trị tài sản trộm cắp số tiền 10.000.000^d cho chị Quảng Thị C vận dụng Điều 42 BLHS và Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS năm 2015.

***Về vật chứng vụ án :**

Đối với chiếc xe mô tô mang BKS: 26AA - 065.21 mà Lường Văn B sử dụng đưa Quảng Văn T lên huyện TG, tỉnh Điện Biên để trốn. Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe máy trên của Lường Thị P (mẹ của B) việc B sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội bà P không biết nên ngày 17/5/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã trả lại chiếc xe máy trên cho Lường Thị P là có căn cứ.

Đối với một xe mô tô mang BKS: 26M1 - 093.13, một giấy đăng ký xe mô tô BKS: 26M1 - 093.13. Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe máy và giấy tờ trên của Lường Thị H(vợ T) nên ngày 29/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã trả lại xe máy và giấy tờ xe trên cho Lường Thị H.

Đối với 01 con dao nhọn bằng kim loại, cán bằng gỗ, phần lưỡi dao dài 28cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 4,3cm, đường kính cán dao là 03cm, một chiếc bơm xe màu đỏ đã qua sử dụng và 01 viên gạch màu đỏ loại gạch 2 lỗ đã bị vỡ một nửa, có kích thước dài 21cm, rộng 7,5 cm, dày 5,0 cm, 01 chiếc kìm công nghiệp ký hiệu MEINFA đã qua sử dụng, 01 phong bì thư đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.000.000^d là tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước vận dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

Về án phí : Các bị cáo Quảng Văn T, Lường Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Quảng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung

của nhà nước vận dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo : Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án vận dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh : Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Tuyên bố bị cáo Lường Văn B phạm tội : Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS:

Phạt bị cáo Quảng Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/4/2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm b,p,q khoản 1 Điều 46 BLHS:

Phạt bị cáo Lường Văn B 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/4/2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

3. Về trách nhiệm dân sự :

Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS năm 2015 : Buộc bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường số tiền 10.000.000^d (mười triệu đồng) cho chị Quảng Thị C.

4. Về vật chứng :

Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy :

+ Một con dao nhọn bằng kim loại, cán làm bằng gỗ, dao một lưỡi sắc, mũi nhọn bị cong vênh phần mũi, phần lưỡi dao dài 28cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 4,3cm, đường kính cán dao là 03cm.

+ Một chiếc kìm bằng kim loại, loại kìm công nghiệp dài 19cm, thân kìm có chữ MEINFA.

+ Một chiếc bơm xe màu đỏ, có cần bơm màu trắng, có chiều dài 32cm, dây cuống bơm màu đen dài 37cm.

+ Một viên gạch màu đỏ, loại gạch 2 lỗ đã bị vỡ một nửa, có kích thước dài 21cm, rộng 7,5cm, dày 5,0 cm.

+ Một phong bì thư đã cũ, viền màu xanh đỏ, tại mép dán phong bì thư bị rách.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước : Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.000.000^d (một triệu đồng).

5. Về án phí :

Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Các bị cáo Quàng Văn T, Lường Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Quàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000^d (năm trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo :

Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS : Các bị cáo Quàng Văn T, Lường Văn B, bị hại bà Bùi Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Bị hại chị Quàng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở tư pháp;
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS;
- Trại giam;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lường Tiến Hải

